

Số: 252/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về kết quả giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV – KỲ HỌP THỨ 23**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Báo cáo số 155/BC-ĐGS ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và ý kiến thảo luận, biểu quyết thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành nội dung Báo cáo của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và nhấn mạnh một số nội dung sau đây:

Ngay sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND tỉnh) ban hành Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh) đã chỉ đạo triển khai kế hoạch tới các đơn vị, địa phương và cụ thể hóa bằng các Quyết định giao kế hoạch đầu tư công hàng năm. Quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công đã kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục và nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương, với tổng nguồn lực dự kiến cho giai đoạn là 95.725 tỷ đồng, đến nay khả năng đáp ứng nhu cầu nguồn lực hàng năm và thực hiện cho giai đoạn được đảm bảo, đạt 65% kế hoạch dự kiến sau khi điều chỉnh giảm vốn của một số dự án không

có khả năng hấp thụ nguồn lực, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo là 62.376 tỷ đồng chiếm 65% tổng nguồn lực, đã thực hiện được 42.719 tỷ đồng đạt 68,4% đảm bảo cân đối nguồn lực cho các dự án trọng điểm, các chương trình mục tiêu góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững, thu hẹp khoảng cách vùng miền. Việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo thứ tự ưu tiên, bố trí đủ nguồn lực thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án trọng điểm. Cơ bản khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, manh mún, kéo dài ở cấp huyện và cấp tỉnh trong giai đoạn 2016-2020; Việc bố trí ngay từ đầu năm, đầu kỳ nguồn vốn hỗ trợ theo tiêu chí chấm điểm, hỗ trợ theo Chương trình mục tiêu đã tạo sự chủ động cho các địa phương trong việc chuẩn bị danh mục dự án, tổ chức thực hiện; tập trung các nguồn lực thực hiện hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Nhiều dự án giao thông quan trọng được hoàn thành trong giai đoạn này, như: Cảng khách quốc tế Hạ Long, đường Cao tốc Hạ Long - Hải Phòng, đường Cao tốc Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái... tăng cường khả năng kết nối liên vùng và nội vùng, giữa vùng thấp với vùng cao, tổ chức lại không gian phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng miền. Các công trình, dự án thuộc lĩnh vực y tế từ tuyến xã đến tỉnh được quan tâm đầu tư đồng bộ, hoàn thành và đưa vào sử dụng các bệnh viện chuyên khoa (*bệnh viện phổi, bệnh viện lão khoa...*) góp phần nâng cao năng lực hệ thống y tế toàn tỉnh, mang lại hiệu quả rất lớn về an sinh xã hội; việc hoàn thành đưa vào sử dụng một số trường học chất lượng cao theo Nghị quyết 99/NQ-HĐND đã nâng tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 91%, tỷ lệ học sinh tiểu học được học 02 buổi/ngày dự kiến sẽ đạt 100% vào năm 2025. Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn toàn tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực. Năm 2023, toàn tỉnh đã về đích Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Bình Liêu là huyện miền núi biên giới đầu tiên về đích nông thôn mới, Tiên Yên, Đầm Hà là hai huyện miền núi đầu tiên trong cả nước hoàn thành nông thôn mới nâng cao; toàn tỉnh không còn hộ nghèo theo tiêu chí quốc gia...; chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền. Cơ sở vật chất cho lĩnh vực quốc phòng an ninh được tăng cường, đến nay đã hoàn thành giai đoạn 1 xây dựng trụ sở công an cấp xã... Qua 4 năm triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, đã phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, tạo vốn môi để thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách, góp phần tăng trưởng vốn đầu tư toàn xã hội, tạo động lực không gian phát triển mới, giải quyết việc làm, góp phần tăng trưởng kinh tế GRDP; tăng quy mô nền kinh tế (dự kiến năm 2024 đạt 320 nghìn tỷ, gấp 1,6 so với năm 2020).

Bên cạnh đó còn một số, tồn tại, hạn chế như: (1) Các chỉ tiêu theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh tại thời điểm giám

sát đạt thấp so với kế hoạch; một số chỉ tiêu dự báo không hoàn thành kế hoạch đề ra¹; (2) Chậm lập, trình duyệt các đề án, chương trình, dự án theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, các quy hoạch, kế hoạch tỉnh, nhất là các đề án phục vụ thực hiện đầu tư công, đề án có sử dụng nguồn lực đầu tư công làm ảnh hưởng đến tính ổn định của kế hoạch trung hạn và tiến độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã được đề ra như Đề án tổng thể đảm bảo nguồn vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Đề án an ninh nguồn nước...; (3) Việc phân bổ nguồn lực chưa toàn diện, chưa quan tâm đến một số lĩnh vực để hoàn thành các chỉ tiêu về kinh tế số, hạ tầng số, chỉ tiêu môi trường, lĩnh vực thủy lợi...; (4) Chưa xác định tỷ lệ hỗ trợ vốn cho các cơ quan đơn vị thuộc ngành dọc trung ương và hỗ trợ các địa phương trong tổng nguồn lực, dẫn đến khó kiểm soát và ảnh hưởng đến khả năng cân đối nguồn lực; (5) Đề xuất phân bổ kế hoạch đầu tư công hằng năm còn hạn chế, thiếu chủ động, dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch nhiều lần trong năm. (6) Công tác quản lý đầu tư còn có những bất cập từ khâu chuẩn bị đầu tư, phê duyệt dự án đến hoàn thành quyết toán công trình, bàn giao tài sản hình thành tài sản công và tất toán tài khoản, nhất là chất lượng chuẩn bị đầu tư còn nhiều hạn chế, công tác thẩm định phê duyệt dự án có nội dung còn chưa đảm bảo theo quy định (vị trí đổ thải và nguồn đất đắp...), đến nay hầu hết tài sản đầu tư công chưa được bàn giao tài sản hình thành tài sản công sau đầu tư ở tất cả các cấp.

Nguyên nhân của những tồn tại nêu trên, ngoài nguyên nhân khách quan đã được phân tích trong báo cáo chi tiết, còn có những nguyên nhân chủ quan như: (1) Công tác chỉ đạo của UBND tỉnh có thời điểm chưa quyết liệt trong việc lập trình phê duyệt các Đề án, chương trình, dự án theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh, quy hoạch, kế hoạch tỉnh; chưa triển khai triệt để các kiến nghị của Thường trực HĐND tỉnh, các ban HĐND tỉnh về bàn giao tài sản sau đầu tư, quản lý tài sản công, tháo gỡ khó khăn về giải phóng mặt bằng, đất san lấp... ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án; chậm ban hành Bộ đơn giá bồi thường tài sản và cây trồng, đơn giá trồng rừng thay thế, phê duyệt quy hoạch phân khu của các địa phương; (2) Đề xuất danh mục đầu tư mới tập trung một số ngành giao thông và y tế, giáo dục, một số lĩnh vực khác chưa được quan tâm bổ sung kịp thời; (3) Chất lượng và tiến độ trong công tác chuẩn bị đầu tư chưa đảm bảo yêu cầu; (4) Kỷ luật, kỷ cương trong quản lý và sử dụng đầu tư công đôi khi còn chưa nghiêm; (5) Vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, chất lượng cán bộ tại một số đơn vị và năng lực quản lý của một số chủ đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu trong thực thi nhiệm vụ; (6) Các chủ đầu tư dự án chưa quan tâm hoàn thiện các thủ tục về đất đai, bàn giao tài sản sau đầu tư theo quy định.

¹ (1) Chỉ tiêu bình quân tổng vốn đầu tư xã hội/GRDP giai đoạn 2021-2023 mới đạt 33.8% (Kế hoạch 37-38%); (2) Tỷ lệ giải ngân bình quân giai đoạn năm 2021-2023 đạt 91%¹, thấp hơn so với mục tiêu (trên 95% kế hoạch giao đầu năm), riêng 9 tháng đầu năm 2024 mới đạt 28,6%, thấp hơn bình quân chung cả nước; trong đó tỷ lệ tạm ứng trong giá trị giải ngân vốn hàng năm còn lớn và có xu hướng tăng qua các năm, bình quân tạm ứng chiếm 40% tổng kế hoạch vốn hàng năm (số tuyệt đối khoảng 5.800 tỷ đồng); (3) Nhiều dự án chậm tiến độ ảnh hưởng đến mục tiêu hoàn thành 85% tổng số dự án trong giai đoạn, theo báo cáo có 30% dự án trong giai đoạn phải kéo dài thời gian thực hiện, 4/10 dự án trọng điểm theo Nghị quyết 304/NQ-HĐND chưa triển khai thực hiện.

Điều 2. Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, tiếp tục thực hiện hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trong những năm còn lại của giai đoạn trung hạn, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030. Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo các Sở, ban, ngành liên quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện các kiến nghị nêu tại Báo cáo số 155/BC-ĐGS ngày 31/10/2024 của Đoàn giám sát HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2. Giải quyết dứt điểm các khó khăn vướng mắc kéo dài nhiều năm liên quan đến nguồn vật liệu san lấp tại một số dự án trọng điểm, công tác giải phóng mặt bằng...; khẩn trương phê duyệt Đề án tổng thể đảm bảo nguồn vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhất là khả năng thu tiền đất dành cho đầu tư để có phương án bù đắp hụt thu cho đầu tư, trường hợp không đảm bảo nguồn cân đối cho các dự án cần xem xét việc giãn, hoãn tiến độ thực hiện các dự án công trình theo dự toán đã giao theo quy định tại Thông tư 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính, phân đầu đạt tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hàng năm ở mức cao nhất.

3. Chỉ đạo khẩn trương rà soát tổng thể, đánh giá toàn diện Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; dự báo khả năng hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên cơ sở đánh giá sát tiến độ thực hiện các chương trình, dự án và khả năng hấp thụ các nguồn vốn, mức vốn đã bố trí, để có giải pháp đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; đồng thời nghiên cứu đề xuất điều chỉnh một số dự án đã có chủ trương đầu tư nhưng đến nay chưa thực hiện², phù hợp khả năng thực hiện.

4. Đối với việc xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2025: Chỉ đề xuất bổ sung danh mục các dự án đầu tư mới vào kế hoạch trung hạn và kế hoạch 2025 đảm bảo tỷ lệ vốn các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn sau theo quy định Điều 89 Luật Đầu tư công; ưu tiên bố trí vốn dứt điểm cho các dự án hỗ trợ các địa phương, các cơ quan đơn vị thuộc ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn tỉnh trong năm 2025, không để kéo dài hỗ trợ vốn sang giai đoạn sau.

5. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách chính quyền địa phương tại Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09/12/2021, Nghị quyết số 303/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 và các nghị quyết có liên quan. Đề xuất cơ chế phân cấp, phân quyền cho giai đoạn

² như: Dự án Cải tạo nâng cấp đường 342 đoạn thuộc địa phận Hạ Long; dự án Tuyến đường nối từ Quốc lộ 279 (xã Tân Dân, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) đến đường tỉnh 291 (thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang); dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh - cơ sở 2 tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hạ Long...

2026-2030 đảm bảo phát huy vai trò chủ động, sáng tạo gắn với trách nhiệm giải trình của các cấp, các ngành, khắc phục tồn tại trong giai đoạn vừa qua.

6. Về xây dựng kế hoạch trung hạn cho giai đoạn tiếp theo:

- Trên cơ sở các quy hoạch, nghị quyết, chương trình, đề án, định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2026 - 2030, sớm đề xuất danh mục dự án đầu tư, danh mục các công trình trọng điểm, công trình khởi công chào mừng đại hội Đảng các cấp trong năm 2025 làm cơ sở để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư đưa vào kế hoạch đầu công giai đoạn 2026 - 2030.

- Đối với việc huy động các nguồn lực, nhất là nguồn vốn ODA cần xem xét kỹ lưỡng, đánh giá toàn diện về sự cần thiết tính hợp lý của việc huy động, phân bổ, sử dụng vốn; không phát sinh khoản vay mới trong giai đoạn tiếp theo.

- Về định hướng phân bổ nguồn lực: (1) Tiếp tục ưu tiên bố trí để hoàn thành các mục tiêu còn lại của Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; (2) Tập trung bố trí vốn các dự án đầu tư hạ tầng chiến lược, cho các ngành lĩnh vực có tính liên kết vùng và ngành (*kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng kinh tế số, kinh tế biển...*); ứng phó biến đổi khí hậu (*hồ, đập, thủy lợi, đê điều...*); đầu tư cho các thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa mang tính biểu tượng tại các trung tâm đô thị lớn gắn với phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hóa; khu vực cần tái thiết sau cơn bão số 3 (*bão YAGI*)...;

- Trên cơ sở khả năng cân đối nguồn lực đầu tư trong Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, cần nghiên cứu đề xuất tỷ lệ hỗ trợ thống nhất đối với dự án của các cơ quan đơn vị thuộc ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn tỉnh bảo đảm đúng theo Luật định.

7. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công: (1) Chỉ đạo hoàn thành dứt điểm công tác quyết toán đối với các dự án hoàn thành từ giai đoạn trước chuyển sang; có biện pháp xử lý nghiêm đối với trường hợp chủ đầu tư không gửi hồ sơ quyết toán đúng thời gian quy định, kiên quyết không chuyển các dự án vi phạm sang giai đoạn 2026 - 2030; (2) Trong quý I năm 2025 hoàn thành dứt điểm việc bàn giao tài sản sau đầu tư đối với các dự án hỗ trợ cho các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn; (3) Kiểm soát chặt chẽ nguồn vốn ứng, tập trung thu hồi dứt điểm tạm ứng quá hạn, chỉ đạo kiểm tra các dự án có số dư tạm ứng lớn; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường quản lý tạm ứng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. (4) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác thẩm định, giám sát, kiểm soát, kiểm tra ở tất cả các bước trong quá trình đầu tư, từ khâu chuẩn bị đầu tư, quyết định đầu tư, đến việc xây dựng thiết kế, dự toán, giải phóng mặt bằng, lựa chọn nhà thầu, thi công xây lắp, quyết toán công trình. Không để xảy ra tình trạng thông thầu, đấu thầu hình thức, lựa chọn đơn vị tư vấn (khảo sát, thiết kế, lập dự án) và lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng không

có năng lực, kinh nghiệm dẫn đến kéo dài dự án, chậm tiến độ; kiên quyết thay thế các nhà thầu không đủ năng lực, thiếu trách nhiệm.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định trong quản lý đầu tư công, nhất là các chủ đầu tư để xảy ra tình trạng chậm thanh quyết toán, tất toán dự án hoàn thành để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, chậm bàn giao tài sản sau đầu tư tiềm ẩn nguy cơ gây lãng phí, giảm hiệu quả sử dụng tài sản công; kiểm tra, thanh tra việc phân bổ và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ cho các địa phương để triển khai các dự án động lực phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn đảm bảo sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và đúng thẩm quyền.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội; Chính phủ (báo cáo);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vi Ngọc Bích